

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO      BỘ NGOẠI GIAO**  
**HỌC VIỆN NGOẠI GIAO**

---

**HOÀNG ĐÌNH NHÀN**

**ĐỐI NGOẠI QUỐC PHÒNG VIỆT NAM**  
**ĐẦU THẾ KỶ XXI ĐẾN NAY**

Chuyên ngành: Quan hệ Quốc tế

Mã số: 62310206

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**  
**CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ**

Hà Nội – 2017

Công trình được hoàn thành tại: Học viện Ngoại giao

Người hướng dẫn khoa học:

1- PGS. TS. Nguyễn Thị Quế

2- PGS. TS. Vũ Dương Huân

Phản biện 1: PGS.TS. Dương Văn Quảng

Phản biện 2: PGS.TS. Trần Thị Vinh

Phản biện 3: PGS.TS. Võ Kim Cương

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện  
họp tại Học viện Ngoại giao

vào hồi      giờ      ngày      tháng      năm

Có thể tìm hiểu luận án tại: - Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Thư viện Học viện Ngoại giao

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Đối ngoại Quốc phòng (ĐNQP) là một bộ phận trong công tác đối ngoại của Đảng và ngoại giao Nhà nước, là một thành tố của nền quốc phòng toàn dân. Kể từ khi Quân đội nhân dân Việt Nam (QĐNDVN) được thành lập, đối ngoại quốc phòng dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng (BQP), sự lãnh đạo trực tiếp của Quân ủy Trung ương (QUTW) đã góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Bước sang thế kỷ XXI, tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, trong khi đất nước ngày càng hội nhập sâu vào khu vực và thế giới với những thuận lợi và thách thức đan xen. Trên thực tế, chưa khi nào sự đan xen này lại phức tạp như thời gian vừa qua, tạo ra những thách thức lớn trong việc thực hiện các nhiệm vụ của chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Trước tình hình, nhiệm vụ cấp bách đó; trong quá trình triển khai ĐNQP từ đầu thế kỷ XXI đến nay, bên cạnh những thành tựu đạt được, ĐNQP vẫn còn những hạn chế. Những bất cập, hạn chế đó đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động ĐNQP. Bởi vậy, nghiên cứu, chỉ rõ những cơ sở hoạch định chính sách ĐNQP, nội dung và quá trình triển khai chính sách ĐNQP, từ đó khuyến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ĐNQP là việc làm cấp thiết. Xuất phát từ những lý do đó, tác giả chọn đề tài ***Đối ngoại Quốc phòng Việt Nam đầu thế kỷ XXI đến nay*** làm luận án tiến sĩ chuyên ngành quan hệ quốc tế.

### 2. Tình hình nghiên cứu vấn đề

Tính đến thời điểm hiện nay, trên thế giới số lượng các công trình nghiên cứu về lĩnh vực ĐNQP một cách toàn diện, hệ

thống không nhiều. Cùng chung thực trạng đó, ở Việt Nam, ĐNQP được coi là lĩnh vực nhạy cảm nên chưa có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu, phần lớn chỉ đề cập dưới dạng các bài báo hoặc các bài viết riêng lẻ trong một số cuốn sách. Một số công trình tiêu biểu như: của Cục Đối ngoại - Bộ Quốc phòng (2009), “*45 năm Cục Đối ngoại Bộ Quốc Phòng*”, Nxb Quân đội nhân dân; cuốn sách của Phạm Thanh Lâm (chủ biên) (2009), “*Hoạt động đối ngoại quân sự: một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Nxb Quân đội nhân dân; “*Một số vấn đề về công tác đối ngoại quốc phòng Việt Nam*”, Nxb Quân đội nhân dân, của tác giả Nguyễn Huy Hiệu, phát hành năm 2008... Nhìn chung, những bài viết, công trình đó đã cung cấp cách nhìn tổng quan về lý luận và thực tiễn ĐNQP thời gian qua, là những nguồn thông tin tư liệu hết sức quý giá phục vụ cho công tác học tập, nghiên cứu về lĩnh vực này. Tuy nhiên, xét về tổng thể, chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống cơ sở lý luận, thực tiễn, nội dung chính sách và quá trình triển khai chính sách ĐNQP. Mặt khác, tình hình thế giới, khu vực và tình hình trong nước luôn vận động, biến đổi không ngừng; âm mưu thủ đoạn chống phá Đảng và Nhà nước Việt Nam của các thế lực thù địch ngày càng tinh vi, phức tạp hơn trong bối cảnh nước ta hội nhập quốc tế sâu rộng đã tác động trực tiếp tới nhiệm vụ của ĐNQP; đòi hỏi phải có sự phân tích, dự báo xa hơn, rút ra những tác động thuận nghịch đối với ĐNQP từ đó đề xuất một số khuyến nghị để nâng cao hiệu quả hoạt động. Vì vậy, “*Đối ngoại quốc phòng Việt Nam đầu thế kỷ XXI đến nay*” rất cần được nghiên cứu để giải quyết những vấn đề nêu trên.

### **3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục tiêu nghiên cứu**

Luận án làm rõ nội dung và sự triển khai chính sách ĐNQP của Việt Nam những năm đầu thế kỷ XXI trên cơ sở đó đánh giá thành công,

hạn chế, rút ra bài học kinh nghiệm, đồng thời nêu lên định hướng ĐNQP Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 và đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động ĐNQP.

### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

*Thứ nhất*, làm rõ cơ sở hoạch định chính sách ĐNQP Việt Nam những năm đầu thế kỷ XXI; *Thứ hai*, phân tích nội dung chính sách ĐNQP Việt Nam những năm đầu thế kỷ XXI; *Thứ ba*, phân tích sự triển khai chính sách ĐNQP của Việt Nam; *Thứ tư*, đánh giá thành công, hạn chế, rút ra bài học kinh nghiệm; đồng thời trình bày một số định hướng cơ bản của ĐNQP Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030. Trên cơ sở đó, luận án đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động ĐNQP.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

**Đối tượng nghiên cứu:** Đối tượng nghiên cứu của luận án là quan hệ đối ngoại quốc phòng Việt Nam. **Phạm vi nghiên cứu:** Về nội dung, Luận án nghiên cứu nội dung và sự triển khai chính sách ĐNQP Việt Nam do BQP Việt Nam trực tiếp tiến hành trên bình diện song phương và đa phương. Về thời gian nghiên cứu là từ năm 2001 đến 2016, ngoài ra, luận án cũng dành một thời lượng trình bày định hướng, nhiệm vụ ĐNQP đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm tư tưởng về thời đại, về dân tộc, giai cấp và đấu tranh giai cấp, chủ nghĩa quốc tế. Luận án bám sát chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước và chính sách quốc phòng của BQP trong thời kỳ đổi mới. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu của luận án là phương pháp lịch sử, logic, phân tích, tổng hợp và so sánh. Các phương pháp khác như: dự báo, thống kê, sơ đồ hóa là những phương pháp bổ trợ cần thiết cho các phương pháp trên.

## **6. Đóng góp của luận án**

Luận án là công trình nghiên cứu có hệ thống và chuyên sâu ở Việt Nam về ĐNQP. Luận án xây dựng khái niệm về ĐNQP và làm rõ các nội hàm của nó. Trên cơ sở các quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc, phương châm và nhiệm vụ được trình bày phân tán ở nhiều tài liệu khác nhau, luận án tập hợp thành nội dung chính sách ĐNQP; đồng thời phân tích, làm rõ nội dung và sự triển khai chính sách ĐNQP Việt Nam những năm đầu thế kỷ XXI. Luận án góp phần cung cấp những luận cứ khoa học, tham mưu cho Đảng, Nhà nước, BQP trong công tác chỉ đạo hoạt động ĐNQP. Kết quả của luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, vận dụng vào thực tiễn hoạt động ĐNQP, phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng làm nhiệm vụ ĐNQP.

## **7. Bố cục của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục; luận án được kết cấu thành 3 chương.

## CHƯƠNG 1

### CƠ SỞ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI QUỐC PHÒNG VIỆT NAM NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

#### 1.1. Cơ sở lý luận

##### 1.1.1. Quan niệm về đối ngoại quốc phòng

###### 1.1.1.1. Quan niệm về đối ngoại quốc phòng trên thế giới

Để xây dựng nên khái niệm về ĐNQP, các học giả ngoài nước có nhiều cách tiếp cận khác nhau. Xét về phương pháp tiến hành; ĐNQP là việc sử dụng hòa bình các nguồn lực quân sự; xét về mục tiêu, ĐNQP thúc đẩy hợp tác để ngăn ngừa xung đột có khả năng xảy ra. Nhiều học giả nước ngoài còn cho rằng ĐNQP chính là nguồn lực tạo ra sức mạnh mềm một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

###### 1.1.1.2. Quan niệm về đối ngoại quốc phòng ở Việt Nam

Ở Việt Nam, hiện nay đã có một số định nghĩa về đối ngoại quân sự, hoặc ĐNQP-an ninh nhưng chưa có một khái niệm riêng về đối ngoại quốc phòng (ĐNQP) được thừa nhận rộng rãi. Xét theo mối quan hệ hệ thống - cấu trúc, chủ thể tiến hành, phương pháp và mục tiêu của hoạt động ĐNQP, luận án đưa ra quan niệm: *Đối ngoại quốc phòng Việt Nam là hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước trên lĩnh vực quốc phòng do Quân đội nhân dân Việt Nam trực tiếp tiến hành bằng phương pháp đàm phán và các hình thức hòa bình khác nhằm góp phần thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về đối ngoại và quốc phòng trong từng thời kỳ cách mạng.*

##### 1.1.2. Truyền thống đối ngoại Việt Nam

Truyền thống đối ngoại Việt Nam gắn liền với các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm dưới sự lãnh đạo và trị vì của các triều đại phong kiến. Những truyền thống đối ngoại tiêu biểu của Việt Nam trước năm 1945 được vận dụng trong hoạch định chính sách

ĐNQP nổi bật là: hòa bình, hữu nghị, đề cao chính nghĩa; vừa mềm dẻo, vừa cứng rắn, không khoan nhượng và kiên trì đấu tranh cho các mục tiêu cơ bản của dân tộc.

### ***1.1.3. Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh***

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như trong xác định nội dung chính sách đối ngoại nói chung, việc đánh giá đúng đặc điểm, xu thế và các bước ngoặt phát triển của thời cuộc và nắm bắt thời cơ là cơ sở quan trọng để xác định nội dung chính sách ĐNQP. Đồng thời, tư tưởng của Hồ Chí Minh về độc lập, tự chủ và đoàn kết quốc tế; kiên trì về nguyên tắc và mục tiêu cuối cùng đi đôi với sáng tạo, linh hoạt trong vận dụng sách lược trở thành những tư tưởng cốt lõi trong xác định nhiệm vụ, nguyên tắc và phương châm của ĐNQP Việt Nam.

### ***1.1.4. Sự đổi mới tư duy của Đảng về đối ngoại***

Quá trình đổi mới tư duy này có thể phân chia thành hai giai đoạn được xem như là những bước ngoặt lớn đối với hoạt động ĐNQP. Giai đoạn 1986 đến 2001 là giai đoạn Đảng có những thay đổi trong quan niệm bạn-thù, xác định “hợp tác nhiều mặt” (Đại hội Đảng VIII), mặc dù chưa chỉ rõ hợp tác quốc phòng, nhưng cũng có thể coi “hợp tác nhiều mặt” trong đó có cả hợp tác về quốc phòng. Giai đoạn 2001 đến nay là giai đoạn Đảng đề ra Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, trong đó đưa ra quan niệm về đối tác-đối tượng; đặc biệt, đây là giai đoạn đối ngoại, hợp tác về quốc phòng được đề cập cụ thể trong các văn kiện đại hội Đảng gần đây (Đại hội Đảng XI và XII). Đối ngoại, hợp tác quốc phòng từ chỗ được hợp nhất trong đối ngoại Đảng, Nhà nước hoặc mới chỉ được đề cập một cách chung chung là “*hợp tác nhiều mặt*” (Đại hội VIII), “*mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác*” (Đại hội X) đến xác định cụ thể “*tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác trong lĩnh vực quốc*



*phòng, an ninh*” (Đại hội XI) và “*tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh*”, “*Chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng...*” (Đại hội XII), cho thấy sự đổi mới sâu sắc trong tư duy của Đảng, Nhà nước đối với ĐNQP. Đây là những tiền đề quan trọng để hoạch định chính sách ĐNQP Việt Nam.

## **1.2. Cơ sở thực tiễn**

### **1.2.1. *Khái quát hoạt động đối ngoại quốc phòng Việt Nam từ năm 1945 đến năm 2000***

*Giai đoạn 1945-1954:* Hoạt động ĐNQP của QĐNDVN (tiên thân là Đội tuyên truyền Giải phóng quân) chủ yếu là phối hợp với quân đội các nước láng giềng đánh đuổi kẻ thù, đề nghị sự giúp đỡ của Trung Quốc và Liên Xô để tiến hành cuộc kháng chiến. Về chủ thể quan hệ chủ yếu là với quân đội Lào, Campuchia, Trung Quốc và Liên Xô. Ở giai đoạn này hoạt động ĐNQP thực chất là những hợp tác đơn thuần về mặt quân sự. Mặc dù hình thức và số lượng đối tác hợp tác còn ít, song đây là những tiền đề quan trọng để mở rộng các hoạt động đối ngoại-hợp tác quốc phòng sau này. *Giai đoạn 1954-1975:* ĐNQP giai đoạn này đã góp phần vào công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước, gắn kết cuộc đấu tranh của dân tộc với các nước láng giềng và các nước trong phe XHCN, mở rộng quan hệ với các nước đang đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước. Từ chỗ chủ yếu tiếp nhận sự viện trợ vật chất, kỹ thuật của các nước XHCN đến giúp đỡ các nước và phong trào giải phóng dân tộc cả về kinh nghiệm chiến đấu và cơ sở vật chất, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của toàn nhân loại. Nét độc đáo của công tác ĐNQP của Việt Nam là ngay từ khi có chính quyền cách mạng, mặc dù cuộc chiến đấu còn muôn vàn khó khăn, nhưng luôn xác định “giúp Bạn là tự giúp mình”, đó là phong cách đối ngoại thủy chung, vô tư và trong sáng,

một phong cách đối ngoại rất nhân văn của QĐNDVN. *Giai đoạn 1975-2000*: ĐNQP đã xử lý khôn khéo sách lược hợp tác và đấu tranh tiến tới bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ và Trung Quốc, góp phần tạo dựng, giữ gìn và củng cố môi trường hòa bình; tranh thủ điều kiện thuận lợi để xây dựng quân đội. ĐNQP tập trung vào các hình thức hoạt động chủ yếu như: trao đổi, giao lưu giữa đoàn quân sự các cấp; viện trợ vũ khí - trang bị, hợp tác đào tạo - huấn luyện và giới thiệu kinh nghiệm đấu tranh vũ trang; hợp tác giải quyết các vấn đề sau chiến tranh... Tuy nhiên, trong giai đoạn này, ĐNQP chủ yếu được triển khai trên bình diện song phương; hình thức hoạt động chưa phong phú, quan hệ hợp tác với quân đội một số nước chưa đi vào chiều sâu. Chính những thành công và hạn chế trên là cơ sở thực tiễn quan trọng để hoạch định và triển khai chính sách ĐNQP Việt Nam đầu thế kỷ XXI đến nay.

### ***1.2.2. Đặc điểm tình hình thế giới, khu vực và trong nước những năm đầu thế kỷ XXI***

*Tình hình thế giới* với hòa bình, hợp tác tiếp tục là xu thế chủ đạo; vấn đề khủng bố và an ninh phi truyền thống trở thành thách thức lớn; toàn cầu hóa tác động sâu sắc đến an ninh quân sự và quan hệ quốc phòng giữa các quốc gia; cuộc cách mạng khoa học - công nghệ phát triển mạnh với những thành tựu mới về công nghệ thông tin, tự động hóa, vật liệu mới,... đã tác động đến lĩnh vực quân sự và quan hệ quốc phòng giữa các quốc gia. *Khu vực châu Á-Thái Bình Dương (CA-TBD)*: Do vị thế địa-chính trị, địa-kinh tế ngày càng quan trọng của khu vực, các nước lớn đã có những điều chỉnh chiến lược, trong đó chú trọng thúc đẩy các mối quan hệ quốc phòng nhằm tăng cường ảnh hưởng và bảo vệ lợi ích của họ tại đây; ASEAN trở thành nhân tố thúc đẩy hợp tác khu vực, đặc biệt là về mặt chính trị và an ninh. *Tình hình trong nước* bên cạnh những thuận lợi, vẫn còn nhiều thách thức

đặt ra, Việt Nam đang phải đối mặt với những vấn đề an ninh phi truyền thống. Đặc biệt là tình hình tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên biển Đông có những diễn biến phức tạp. Những đặc điểm này gây nhiều khó khăn; đồng thời, đặt ra nhiệm vụ nặng nề đối với ĐNQP Việt Nam, nhất là trong giải quyết các vấn đề an ninh đang đe dọa đến sự tồn vong của quốc gia.

### ***1.2.3. Tiềm lực quốc phòng Việt Nam***

Theo đánh giá của nhiều tổ chức nghiên cứu quốc phòng có uy tín trên thế giới thì tiềm lực quốc phòng của Việt Nam ngày càng được nâng lên, tuy nhiên vẫn đòi hỏi phải nâng cao hơn nữa để thích ứng với điều kiện chiến tranh hiện đại có thể xảy ra, có đủ khả năng để hóa giải mọi bất lợi về mặt an ninh của đất nước; tình hình biển đảo phức tạp hiện nay đòi hỏi phải nhanh chóng nâng cao sức mạnh cho lực lượng thực thi nhiệm vụ trên biển. Chính những nhu cầu này đặt ra những nhiệm vụ nặng nề cho nhiều bộ, ngành và các lực lượng chuyên trách trong đó có lực lượng làm công tác ĐNQP.

### **Tiểu kết**

Với đặc thù là một nước nhỏ thường xuyên phải đấu tranh giành độc lập, những truyền thống hay nghệ thuật đối ngoại tiêu biểu như: hòa hiếu, chính nghĩa, kết hợp cương nhu đúng lúc, mềm dẻo nhưng không nhượng bộ... thường được vận dụng trong xử lý các mối quan hệ với các nước. Cùng với truyền thống đối ngoại tiêu biểu của dân tộc, những tư tưởng, phong cách, phương pháp ngoại giao của Hồ Chí Minh như: luôn đề cao độc lập, tự chủ, đoàn kết quốc tế, kiên định về nguyên tắc, linh hoạt về sách lược, thêm bầu bạn, bớt kẻ thù...là những cơ sở quan trọng trong hoạch định chính sách ĐNQP. Là một bộ phận đối ngoại của Đảng, ĐNQP được đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước định hướng cả về nội dung và các bước triển khai. Bước sang thế kỷ XXI, sự đổi mới tư duy của

Đảng trong quan niệm bạn thù, trong linh hoạt xác định đối tác đối tượng, bước chuyển từ hội nhập kinh tế quốc tế sang hội nhập quốc tế... là những tiền đề, cơ sở quan trọng để xác định đối tượng, mức độ quan hệ và nội dung triển khai các hoạt động ĐNQP. Bên cạnh đó, thực tiễn triển khai hoạt động ĐNQP trong nửa cuối của thế kỷ XX mặc dù có những thành công nhất định, song không ít những bất cập, hạn chế đã bộc lộ ở khía cạnh nội dung và hình thức hoạt động. Bước sang thế kỷ XXI, tình hình thế giới và khu vực, tình hình trong nước với những thuận lợi, thách thức đan xen do nguyên nhân chủ quan và khách quan đã đặt ra cho ĐNQP những yêu cầu bức thiết. Tập hợp những truyền thống, tư tưởng, quan điểm, tư duy đối ngoại, đặc điểm tình hình thế giới, khu vực, trong nước, tiềm lực quốc phòng và nhu cầu nâng cao tiềm lực quốc phòng là những cơ sở lý luận và thực tiễn cơ bản nhất để Đảng, Nhà nước và BQP hoạch định và triển khai chính sách ĐNQP Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI.

## **CHƯƠNG 2**

### **NỘI DUNG VÀ THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI QUỐC PHÒNG VIỆT NAM TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2016**

#### **2.1. Nội dung chính sách đối ngoại quốc phòng Việt Nam**

##### **2.1.1. Chủ trương đối ngoại quốc phòng**

Chủ trương ĐNQP được Sách trắng *Quốc phòng Việt Nam* xác định rõ trong chính sách quốc phòng của Việt Nam, cụ thể là: “Thiết lập và phát triển quan hệ giao lưu, hợp tác trên cơ sở bình đẳng, hiểu biết lẫn nhau với lực lượng vũ trang các nước khác”; “Việt Nam chú trọng phát triển quan hệ quốc phòng với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, cùng có lợi”. Trên bình diện đối ngoại, hợp tác quốc phòng song phương, “Việt Nam coi trọng hợp tác

quốc phòng với các nước láng giềng, bạn bè truyền thống đồng thời phát triển quan hệ quốc phòng với tất cả các nước có chung mục tiêu vì hòa bình, độc lập và phát triển”. Song song với đối ngoại, hợp tác quốc phòng song phương, “Việt Nam chủ trương mở rộng ĐNQP, tham gia ngày càng tích cực vào các hoạt động hợp tác quốc phòng, an ninh của khu vực và của cộng đồng quốc tế”.

### **2.1.2. Mục tiêu đối ngoại quốc phòng**

Mục tiêu của ĐNQP được xác định: “Góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước, xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc, góp phần giữ vững hòa bình và an ninh ở khu vực và trên thế giới”. Mục tiêu của ĐNQP là sự cụ thể hóa mục tiêu đối ngoại và quốc phòng mà Đảng, Nhà nước đã xác định; trong đó giành ưu tiên cao hơn cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu quốc phòng. Mục tiêu ĐNQP gắn bó mật thiết, thống nhất với các mục tiêu Chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện rõ trong Nghị quyết 806-NQ/QUTW.

### **2.1.3. Nguyên tắc và phương châm đối ngoại quốc phòng**

Trong quá trình triển khai ĐNQP phải nắm vững nguyên tắc: “Độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, bình đẳng, cùng có lợi, kết hợp chặt chẽ đối ngoại với kinh tế, quốc phòng và an ninh, bảo đảm bí mật quân sự, bí mật quốc gia”. *Phương châm của đối ngoại quốc phòng* được xác định: “Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ, vừa hợp tác vừa đấu tranh, năng động, sáng tạo, linh hoạt, phù hợp với vị trí, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của nước ta cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với đặc điểm từng đối tượng ta có quan hệ và chức năng nhiệm vụ đặc thù của lực lượng vũ trang”.

### **2.1.4. Nhiệm vụ đối ngoại quốc phòng**

Nhiệm vụ đối ngoại quốc phòng được xác định tại các kỳ Đại hội Đảng bộ Quân đội, các Hội nghị tổng kết công tác ĐNQP. Nghị quyết

Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ VIII (2006) xác định: “ Quán triệt Nghị quyết Đại hội X về công tác đối ngoại, cụ thể hoá vào việc xử lý quan hệ đối ngoại quân sự. Chủ động, linh hoạt và coi trọng tính thiết thực trong thúc đẩy hợp tác đối với các mối quan hệ hữu nghị hiện có, ưu tiên các nước láng giềng, mở ra quan hệ mới với một số nước công nghiệp phát triển và ở một vài nước khác. Tích cực phối hợp giải quyết cơ bản những vấn đề tồn tại về biên giới, lãnh thổ, tạo ra vành đai biên giới hòa bình, ổn định lâu dài với các nước; tham gia các hoạt động đa phương và thực hiện tốt các thỏa thuận quốc tế đã ký kết”. Đặc biệt là nhiệm vụ của ĐNQP được cụ thể hóa trong NQ 806 của QUTW về “Hội nhập quốc tế và ĐNQP đến năm 2020 và những năm tiếp theo”.

## **2.2. Thực trạng triển khai chính sách đối ngoại quốc phòng Việt Nam**

### **2.2.1. Trên bình diện song phương**

Trên bình diện song phương, ĐNQP được triển khai bằng nhiều hình thức với nội dung cơ bản như: (1) *Trao đổi đoàn các cấp*: Bước sang thế kỷ XXI, trao đổi đoàn các cấp được triển khai mạnh mẽ với quân đội nhiều nước ở nhiều khu vực và châu lục. Quân đội một số nước có tần suất tiếp xúc, trao đổi với QĐNDVN nhiều như: Lào, Campuchia, Trung Quốc, Nga, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ấn Độ... Bên lề chuyến thăm của quân đội các nước là các cuộc hội đàm, đối thoại, ký kết các văn kiện, thỏa thuận, nghị định thư. (2) *Hợp tác bảo vệ an ninh biên giới trên bộ*: Thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị và lãnh đạo mỗi nước, Việt Nam, Lào, Campuchia và Trung Quốc tiếp tục triển khai xây dựng tuyến biên giới hữu nghị, an toàn, ổn định, phát triển và vững mạnh toàn diện. Trên cơ sở “Hiệp định phân định biên giới trên bộ” được ký kết giữa Việt Nam với ba nước; hợp tác bảo vệ an ninh biên giới trên bộ được thực hiện dưới nhiều hình thức, nhờ đó góp phần xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, tăng cường sự

đoàn kết, tin cậy giữa Việt Nam với các nước có chung biên giới. (3) *Hợp tác hải quân với một số nước:* Hợp tác hải quân được tiến hành với nhiều nước láng giềng và khu vực, điển hình là Campuchia và Trung Quốc với nhiều hình thức như tàu chiến viếng thăm, thiết lập đường dây nóng, giao lưu, tuần tra chung. Hợp tác hải quân còn được triển khai với nhiều nước khác như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ấn Độ bằng hình thức cử tàu chiến thăm các cảng biển của Việt Nam kết hợp tổ chức luyện tập chung về tìm kiếm cứu nạn trên biển, trao đổi kinh nghiệm xử lý các vấn đề an ninh phi truyền thống, kinh nghiệm phòng chống tội phạm và thực tập phương án tìm kiếm cứu nạn; viện trợ tài chính và trang bị giúp cải thiện năng lực xử lý các vấn đề an ninh biển. (4) *Hợp tác đào tạo, huấn luyện và giao lưu sỹ quan:* Hợp tác đào tạo, huấn luyện sỹ quan được thực hiện bằng nhiều hình thức. Các Học viện, nhà trường quân đội Việt Nam hiện đào tạo học viên quân sự từ nhiều nước như Lào, Campuchia, Thái Lan, Singapore, Philippines, Indonesia, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nga, Cuba... Trong đó, đông nhất là học viên Lào và Campuchia, hình thức đào tạo rất đa dạng. Đổi lại, Quân đội Việt Nam cử học viên đi học tập, đào tạo tại nhiều nước, điển hình như: Lào, Campuchia, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nga, Anh, Pháp, Australia, New Zealand... Trong đó, Nga và gần đây có Hoa Kỳ là những nước rất quan tâm tới việc hợp tác đào tạo học viên quân sự cho Việt Nam. (5) *Hợp tác công nghiệp quốc phòng và mua sắm vũ khí trang bị:* Hợp tác công nghiệp quốc phòng của Quân đội Việt Nam chủ yếu được triển khai với các nước như: Trung Quốc, Cuba, Nga, Nhật Bản, Ấn Độ và một số nước châu Âu. Về mua sắm vũ khí trang bị, Liên Xô (Nga hiện nay) là bạn hàng cung cấp vũ khí lớn nhất cho Việt Nam. Ngoài Nga, Việt Nam đã nhập khẩu một số vật tư, nguyên liệu phục vụ sửa chữa, sản xuất trang thiết bị từ Trung

Quốc; mua một số linh kiện, phụ tùng để sửa chữa vũ khí trang bị đã xuống cấp từ Triều Tiên; mua sắm một số thiết bị lưỡng dụng, công nghệ cao từ Anh, Pháp, Israel... (6) *Hợp tác hậu cần, kỹ thuật, quân y:* Hình thức hợp tác về hậu cần kỹ thuật được tổ chức thông qua việc viện trợ bằng tiền mặt, vật chất; thông qua việc cử các sỹ quan, nhân viên kỹ thuật sang giúp các đơn vị Quân đội Lào, Campuchia sửa chữa vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật, rà phá bom mìn, cách thức chăn nuôi, trồng trọt... Các doanh nghiệp của Quân đội Việt Nam nhận thầu các công trình thủy lợi, đường giao thông, xây dựng dân dụng tại các địa phương của Lào. (7) *Hợp tác tìm kiếm, cất bốc, quy tập, hồi hương hài cốt liệt sỹ và giải quyết hậu quả do chiến tranh để lại:* Việc tìm kiếm, cất bốc, quy tập và hồi hương hài cốt liệt sỹ Quân tình nguyện Việt Nam hy sinh tại Lào và Campuchia luôn nhận được sự giúp đỡ tận tình của chính quyền các cấp, của quân và dân Lào, Campuchia. Với truyền thống và chính sách nhân đạo, Việt Nam đã và đang hợp tác với Hoa Kỳ, Australia trong việc giải quyết vấn đề người Mỹ, người Australia mất tích trong chiến tranh. Đổi lại, phía Hoa Kỳ cũng đẩy mạnh hợp tác với Việt Nam thông qua viện trợ tài chính, hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp các thông tin liên quan tới việc tìm kiếm người Việt Nam bị mất tích trong chiến tranh. Bên cạnh tìm kiếm quân nhân Hoa Kỳ, Australia mất tích sau chiến tranh, Hoa Kỳ hợp tác với BQP Việt Nam cùng triển khai dự án rà phá bom mìn, tẩy độc di-ô-xin...

### **2.2.2. Trên bình diện đa phương**

#### **2.2.2.1. Đối ngoại quốc phòng trên các diễn đàn, hội nghị đa phương**

*Thứ nhất, Hội nghị không chính thức Tư lệnh Lực lượng quốc phòng các nước ASEAN (ACDFIM) và các hội nghị quân chủng:* BQP Việt Nam cử đoàn tham dự ACDFIM lần đầu năm 2002, qua các



kỳ tham gia hội nghị, Việt Nam đưa ra nhiều sáng kiến được đánh giá cao, nhờ đó ngày càng khẳng định được vai trò, vị thế trong khu vực. Một số sáng kiến đáng chú ý như: sáng kiến về hợp tác tìm kiếm, cứu nạn, hỗ trợ nhân đạo, giảm nhẹ thiên tai. Việt Nam đề xuất hợp tác xây dựng các trung tâm cảnh báo sớm; tăng cường chia sẻ thông tin, phối hợp chống khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia... *Thứ hai, Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN (ADMM):* Việt Nam luôn tích cực tham gia ADMM và chia sẻ quan điểm về những vấn đề an ninh nổi lên ở khu vực, tuyên truyền đường lối và chính sách quốc phòng hòa bình và tự vệ của Việt Nam, qua đó xây dựng lòng tin và tăng cường tình đoàn kết hữu nghị giữa quân đội các nước ASEAN. Liên quan đến tình hình phức tạp ở Biển Đông, Việt Nam góp phần quan trọng vào quá trình hình thành nhận thức chung trong ASEAN về vấn đề an ninh khu vực. Với nỗ lực thuyết phục của Việt Nam, lần đầu tiên vấn đề Biển Đông được đưa vào Tuyên bố chung của ADMM lần thứ 5 (năm 2011). Đồng thời, Việt Nam luôn đưa ra những quan điểm và đề xuất các biện pháp giải quyết vấn đề Biển Đông bằng biện pháp hòa bình. *Thứ ba, Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN Mở rộng (ADMM+):* Trong quá trình tham gia ADMM+, Quân đội Việt Nam đã có những đóng góp tích cực, đưa ra nhiều sáng kiến giành được sự đồng thuận cao của các nước như: góp phần hiện thực hóa ý tưởng của ASEAN về ADMM+ và đưa ra sáng kiến về thành lập Nhóm chuyên gia về Hành động nhân đạo. Việc Việt Nam đưa ra sáng kiến này sẽ thúc đẩy các nước thành viên ADMM+ giải quyết các vấn đề bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh, một vấn đề đang được quan tâm đặc biệt ở Việt Nam hiện nay. Ủng hộ sáng kiến do Việt Nam đề xuất, các nước: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc bày tỏ mong muốn chia sẻ về nguồn lực, kinh nghiệm, hỗ trợ kỹ thuật và công nghệ cho lĩnh vực

này. Không chỉ bằng các đề xuất, sáng kiến, Quân đội Việt Nam bước đầu tham gia các cuộc diễn tập. Việc tham gia các cuộc diễn tập đánh dấu quyết tâm của Quân đội Việt Nam trong việc triển khai các hoạt động trên thực địa nhằm đưa các sáng kiến hợp tác dần đi vào thực chất hơn. *Thứ tư, Hội nghị cấp cao An ninh châu Á - Thái Bình Dương*: Hội nghị cấp cao An ninh CA-TBD hay còn gọi là Đối thoại Shangri-La là hội nghị Việt Nam tham gia ngay lần đầu tiên được tổ chức. Tại các kỳ Đối thoại, trước những diễn biến an ninh căng thẳng, phức tạp ở khu vực vì sự cạnh tranh lợi ích quyết liệt giữa các nước lớn; lãnh đạo Việt Nam luôn bày tỏ khát vọng hòa bình, phát triển thịnh vượng và kêu gọi tăng cường xây dựng, củng cố lòng tin. Thông qua các lần tham dự Đối thoại Shangri-La, thế giới hiểu rõ hơn về tinh thần yêu chuộng hòa bình của Việt Nam, hiểu rõ hơn sự chính nghĩa và quyết tâm của Việt Nam trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền thiêng liêng trên biển. *Thứ năm, Diễn đàn an ninh khu vực ASEAN (ARF)*: Từ chỗ chủ yếu thảo luận các vấn đề an ninh, ARF đã chuyển sang thảo luận các vấn đề quốc phòng. Do đó, kể từ ARF-3 (1996), BQP Việt Nam đã cử đại diện tham dự các hoạt động của ARF. Trong quá trình tham gia ARF của Việt Nam, BQP Việt Nam đã chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao và đóng góp tích cực vào ARF. Tại hầu hết các hội nghị thuộc ARF, BQP đều cử đại diện tham dự và tích cực tham gia xây dựng các văn bản, tài liệu liên quan trong các lĩnh vực hợp tác của ARF, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các đối tác tổ chức và chủ trì thành công các hội nghị.

#### *2.2.2.2. Sự tham gia của Việt Nam vào Lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc*

Triển khai quyết định tham gia lực lượng GGHB, BQP đã xây dựng và thực hiện “Đề án Quân đội tham gia hoạt động GGHBLHQ giai

đoạn 2014-2020”; soạn thảo và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý về việc cử lực lượng Quân đội tham gia hoạt động GGHB; đồng thời, thành lập Trung tâm GGHB - Cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo BQP; tiến hành cử sĩ quan trực tiếp tham gia các phái bộ GGHB LHQ; triển khai kế hoạch thành lập một đội công binh và một bệnh viện dã chiến cấp hai để tham gia hoạt động GGHB LHQ. Việc sỹ quan Quân đội Việt Nam tham gia lực lượng GGHB của LHQ là một mốc quan trọng thể hiện rõ đường lối đối ngoại, chính sách quốc phòng của Việt Nam trong việc góp phần xây dựng nền hòa bình trên thế giới; đồng thời, đánh dấu quá trình hội nhập quốc tế về quốc phòng của Việt Nam ở cấp độ toàn cầu.

### **Tiểu kết**

Như vậy, bước sang thế kỷ XXI, trên cơ sở truyền thống đối ngoại tốt đẹp của dân tộc; tư tưởng, phong cách, nghệ thuật ngoại giao của Hồ Chí Minh; quan điểm, chủ trương đối ngoại của Đảng; QUTW mà trực tiếp là BQP đã cụ thể hóa thành những nội dung của chính sách ĐNQP. Với nội dung chính sách ĐNQP được xác định, ĐNQP song phương được triển khai với nhiều nước, hình thức đa dạng và phong phú. ĐNQP đa phương từ chỗ chỉ tham gia ở mức độ nhất định, bước sang thế kỷ XXI, Việt Nam đã tham gia hầu hết các cơ chế, diễn đàn hợp tác quốc phòng - quân sự đa phương trong khuôn khổ ASEAN một cách chủ động và tích cực. Cùng với đối ngoại, hợp tác quốc phòng song phương; sự tham gia của Việt Nam vào các cơ chế, diễn đàn hợp tác quốc phòng - quân sự của ASEAN cũng như lực lượng GGHB LHQ trong thời gian gần đây không chỉ góp phần nâng cao uy tín, tiềm lực của Quân đội nhân dân Việt Nam, thực hiện các mục tiêu bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới; mà còn khẳng định Việt Nam thực sự là một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng khu vực và quốc tế.

### CHƯƠNG 3

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI, DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ

### **3.1. Đánh giá kết quả triển khai đối ngoại quốc phòng Việt Nam những năm đầu thế kỷ XXI**

#### **3.1.1. Một số thành tựu, hạn chế và nguyên nhân**

##### *3.1.1.1. Thành tựu và nguyên nhân*

Trong gần hai thập niên đầu thế kỷ XXI, ĐNQP đã triển khai thực hiện đúng đắn, sáng tạo các quan điểm, chính sách ĐNQP của Đảng, Nhà nước và Quân đội. Hình thức, nội dung ĐNQP đã được mở rộng trên nhiều lĩnh vực, với nhiều đối tác. Nhờ đó, ĐNQP đã đạt được những thành tựu quan trọng, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Một số thành tựu cụ thể là: (1) ĐNQP được triển khai phù hợp với khuôn khổ quan hệ đã được xác lập, góp phần hỗ trợ tích cực cho đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước. (2) ĐNQP góp phần bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; (3) ĐNQP góp phần củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng và khả năng bảo đảm an ninh quốc gia; (4) ĐNQP góp phần nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và quân đội trên trường quốc tế; đồng thời duy trì môi trường hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực. *Nguyên nhân đạt được những thành tựu* nêu trên trước hết do ĐNQP ngày càng được quan tâm không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều quốc gia trên thế giới, quá trình triển khai ĐNQP đã vận dụng đúng đắn, sáng tạo các quan điểm, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước cũng như của QUTW và BQP. Lực lượng làm nhiệm vụ ĐNQP đã tích cực, chủ động tham mưu đề xuất, xây dựng nội dung, chương trình; tích cực, chủ động tham gia hầu hết các diễn đàn, hội

ngệ quốc phòng-an ninh đa phương trong khuôn khổ ASEAN...

### 3.1.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

Nhìn chung, ĐNQP Việt Nam với các nước khu vực ASEAN (trừ Lào và Campuchia) trong gần hai thập kỷ qua mới chỉ tập trung vào những lĩnh vực ít nhạy cảm nên một số mối quan hệ chưa đi vào chiều sâu, thực chất; xác định nhu cầu, mục tiêu hợp tác quốc phòng trong từng lĩnh vực chưa cụ thể; chưa tìm được giải pháp để giải quyết tranh chấp và hợp tác trên biển đảo một cách cơ bản, lâu dài; hợp tác thương mại quân sự với một số nước lớn chưa gắn kết chặt chẽ với chuyển giao công nghệ, kỹ thuật quân sự; hợp tác, trao đổi kinh nghiệm tổ chức, xây dựng lực lượng vũ trang chưa đúng mức... *Nguyên nhân khách quan* dẫn đến những hạn chế nêu trên, trước hết do sự khác biệt về chế độ, thể chế chính trị, quan điểm, ý chí lãnh đạo và yếu tố lịch sử cản trở sự phát triển lòng tin giữa Việt Nam và một số nước tư bản chủ nghĩa; bất đồng về chủ quyền lãnh thổ gây hoài nghi lớn trong quan hệ giữa Việt Nam với một số đối tác. Ngoài ra, các đối tác đều rất thực dụng và linh hoạt trong quan hệ đối ngoại nói chung, ĐNQP nói riêng; mức độ tham gia của Việt Nam tại các diễn đàn quốc phòng-an ninh khu vực còn hạn chế một phần do tôn chỉ, mục đích của các diễn đàn, hội nghị này... *Nguyên nhân chủ quan*, do quá nhạy cảm về mặt an ninh nên tư duy về ĐNQP chậm đổi mới. Yêu cầu về hoạt động ĐNQP ngày càng cao, trong khi chất lượng đội ngũ cán bộ có mặt chưa ngang tầm; công tác phối hợp có mặt còn chông chéo; hệ thống văn bản quy phạm pháp luật còn thiếu đồng bộ, chậm được bổ sung, hoàn thiện; đầu tư trang thiết bị, phương tiện cho hoạt động ĐNQP chưa theo kịp với yêu cầu nhiệm vụ. Đối ngoại quốc phòng đa phương của Việt Nam chưa xây dựng được một chiến lược tổng thể, các công trình nghiên cứu của Việt Nam về ĐNQP nói chung, ĐNQP đa phương nói riêng còn ít.

### ***3.1.2. Một số bài học kinh nghiệm***

Trên cơ sở những thành tựu đạt được và hạn chế bộc lộ trong quá trình triển khai chính sách ĐNQP Việt Nam những năm đầu thế kỷ XXI, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm đó là: (1) Xác định đúng vị trí, mối quan hệ, đồng thời nắm vững và vận dụng sáng tạo đường lối, quan điểm, chính sách đối ngoại và quốc phòng-an ninh của Đảng, Nhà nước vào công tác ĐNQP; (2) Kiên định về nguyên tắc chiến lược, mềm dẻo, linh hoạt, sáng tạo về sách lược; (3) Coi trọng việc xác lập mục tiêu và lượng hóa tối đa các mục tiêu ĐNQP, tập trung vào những đối tác quan trọng và những nội dung hợp tác thiết thực nhất; (4) Thường xuyên tổng kết rút kinh nghiệm, từ đó từng bước đúc kết thành hệ thống quan điểm, lý luận cho ĐNQP; (5) Tăng cường chức năng tham mưu, dự báo, kiểm tra, giám sát; từ đó chủ động xây dựng các phương án xử lý kịp thời những vấn đề nảy sinh trong ĐNQP; (6) Thường xuyên quan tâm, chăm lo xây dựng đội ngũ làm nhiệm vụ ĐNQP.

## **3.2. Dự báo tình hình thế giới, khu vực, trong nước và định hướng đối ngoại quốc phòng Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030**

### ***3.2.1. Dự báo tình hình thế giới, khu vực và trong nước đến năm 2020, tầm nhìn 2030***

*Tình hình thế giới và khu vực đến năm 2020, tầm nhìn 2030: Các nước lớn tiếp tục hợp tác để cùng đối phó với những vấn đề an ninh chung nhằm thể hiện rõ hơn vai trò lãnh đạo có trách nhiệm; đồng thời, cạnh tranh có lúc thù nghịch với nhau trong quá trình theo đuổi lợi ích và phát huy ảnh hưởng. Các nước lớn tiếp tục tăng cường sức mạnh quân sự, chú trọng tăng cường sức mạnh hải quân, điều này gây ra nhiều lo ngại đối với nhiều nước, buộc các nước phải điều chỉnh chính sách đối ngoại, trong đó có ĐNQP. Châu Á-Thái Bình Dương vẫn tồn tại*

nhiều điểm nóng rất khó giải quyết ít nhất trong vòng 5 năm tới như: vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, vấn đề Biển Đông. Để đối phó với những động thái của Trung Quốc, các quốc gia ven Biển Đông có xu hướng củng cố quan hệ quốc phòng với các nước lớn; đồng thời, đẩy mạnh hiện đại hóa quân đội, đây là nguyên nhân dẫn đến tình trạng chạy đua vũ trang, đồng thời dễ dẫn đến những nghi ngờ lẫn nhau giữa quân đội các nước trong khu vực, gây nhiều khó khăn cho các hoạt động hợp tác quốc phòng. ASEAN tiếp tục trở thành nhân tố thúc đẩy hợp tác quốc phòng-an ninh quan trọng của khu vực CA-TBD, nhất là sau khi Cộng đồng ASEAN được hình thành.

*Tình hình trong nước đến năm 2020, tầm nhìn 2030:* Bên cạnh mặt thuận lợi, tình hình đất nước vẫn còn những khó khăn thách thức, đặc biệt là tình hình an ninh- quốc phòng như: tình hình Biển Đông diễn biến ngày càng phức tạp; tình hình Lào, Campuchia và an ninh sườn phía Tây của đất nước có thể diễn biến bất lợi; nguy cơ bất ổn ở khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ có thể gia tăng; đặc biệt là chủ trương nhanh chóng xây dựng một số quân, binh chủng tiến thẳng lên hiện đại đặt ra yêu cầu phải nâng cao tiềm lực quốc phòng cấp thiết hơn nữa.

### ***3.2.2. Định hướng đối ngoại quốc phòng Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030***

Từ nay đến năm 2020 và khoảng 10 năm tiếp theo, trong bối cảnh đẩy mạnh hội nhập toàn diện, ĐNQP Việt Nam tiếp tục được triển khai theo định hướng đối ngoại đã xác định trong Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, các Nghị định thư, Thỏa thuận vẫn còn hiệu lực giữa QĐNDVN với quân đội một số nước; đặc biệt là những định hướng được xác định trong Nghị quyết 806 của QUTW về “Hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo”.

### **3.3. Một số khuyến nghị**

Một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại quốc phòng Việt Nam bao gồm: (1) Tiếp tục đổi mới tư duy về đối ngoại quốc phòng; (2) Đa dạng hóa hình thức, nội dung đối ngoại quốc phòng; (3) Đẩy mạnh công tác xây dựng Ngành; (4) Nâng cao chất lượng công tác sơ, tổng kết đối ngoại quốc phòng; (5) Phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan đối ngoại quốc phòng với các bộ, ngành liên quan.

#### **Tiểu kết**

Như vậy, trong gần hai thập niên đầu thế kỷ XXI, ĐNQP được triển khai mạnh mẽ trên cả bình diện song phương và đa phương với hình thức, nội dung đa dạng và phong phú. Nhờ đó, ĐNQP đã có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc VNXHCN. Bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình triển khai ĐNQP đã bộc lộ một số hạn chế. Những thành tựu và hạn chế đó trở thành những bài học kinh nghiệm quý báu cho quá trình triển khai ĐNQP sau này. Từ nay đến năm 2020 và trong khoảng 10 năm tiếp theo, tình hình thế giới, khu vực trong nước có những thay đổi mang lại cả thời cơ và thách thức cho ĐNQP Việt Nam. Trong bối cảnh đó, ĐNQP tiếp tục được triển khai theo những phương hướng đối ngoại được xác định tại Đại hội Đảng XII, các Thỏa thuận, Nghị định thư đã ký kết vẫn còn hiệu lực; đặc biệt là theo định hướng chỉ đạo được xác định trong NQ 806-NQ/QUTW. Để nâng cao hiệu quả hoạt động trong thời gian tới, ĐNQP cần được tiếp tục đổi mới tư duy; đa dạng hóa hình thức, nội dung; đẩy mạnh công tác xây dựng Ngành; nâng cao chất lượng công tác sơ tổng kết; đồng thời phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan ĐNQP với các bộ, ngành liên quan.



## KẾT LUẬN

Đối ngoại quốc phòng là một bộ phận quan trọng của ngoại giao Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của QUTW và BQP. Về lý luận, chính sách ĐNQP Việt Nam được xây dựng và hoạch định dựa trên những truyền thống đối ngoại tiêu biểu của dân tộc kết hợp với tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh. Nội dung chính sách ĐNQP bám sát sự đổi mới trong tư duy đối ngoại của Đảng về bạn-thù, đối tác-đối tượng, hội nhập quốc tế... Về mặt thực tiễn, thực trạng hoạt động đối ngoại quốc phòng từ khi QĐNDVN ra đời đến năm 2000; sự tác động chi phối của bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước những năm đầu thế kỷ XXI; tiềm lực quốc phòng và nhu cầu nâng cao tiềm lực quốc phòng là những nhân tố tham chiếu quan trọng để hoạch định chính sách đối ngoại quốc phòng. Cùng với các hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước; ĐNQP được triển khai mạnh mẽ trên cả bình diện song phương và đa phương theo nguyên tắc độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, bình đẳng, cùng có lợi với phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, vừa hợp tác, vừa đấu tranh. Nhìn chung, ĐNQP những năm đầu thế kỷ XXI đã góp phần thiết yếu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai ĐNQP đã bộc lộ nhiều vấn đề bất cập xuất phát từ cả những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Đối ngoại quốc phòng trong thời gian tới, bên cạnh những mặt thuận lợi do bối cảnh chung của tình hình thế giới, khu vực và trong nước mang lại; đồng thời, những khó khăn, thách thức đặt ra cũng không ít. Với sự cạnh tranh ảnh hưởng, chạy đua vũ trang có xu hướng ngày gia tăng giữa các nước hiện nay, đối ngoại quốc phòng Việt Nam phải làm thế nào để vừa tận dụng tối đa xu thế này cho việc nâng cao

sức mạnh, tiềm lực quốc phòng, để vừa không rơi vào sự nghi kỵ gây bất lợi trong nhiều mối quan hệ khác là điều không đơn giản. Điểm nóng tại châu lục, nguy cơ đe dọa chủ quyền lãnh thổ, bất ổn an ninh ở trong nước nếu buộc phải giải quyết bằng vũ lực là điều không một ai mong muốn. Đối ngoại nói chung, ĐNQP nói riêng là công cụ tối ưu nhất có thể dành chiến thắng không cần chiến tranh, là nghệ thuật giữ nước luôn được áp dụng. Để ĐNQP Việt Nam thực sự lớn mạnh, cần phải nhận thức đúng vị trí vai trò của ĐNQP trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay; đồng thời, coi ĐNQP là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân mà BQP đóng vai trò là nòng cốt./.

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ**

1. Hoàng Đình Nhân (2012), “Nước Mỹ và cuộc chiến I-rắc”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng, số 18, Quý II/2012*.
2. Hoàng Đình Nhân (2013), “Hệ thống Phòng thủ Tên lửa châu Âu trong quan hệ Mỹ - Nga”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng, số 22, Quý II/2013*
3. Hoàng Đình Nhân (2014), “Địa chính trị Trung Đông - Bắc Phi sau “Mùa xuân Ả-rập”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng, số 25, Quý I/2014*.
4. Hoàng Đình Nhân (2015), “Sự phát triển của Hải quân Trung Quốc và những tác động đối với an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng, số 30, Quý II/2015*.
5. Hoàng Đình Nhân (2015), “Chủ trương hiện đại hóa quân đội của Trung Quốc thời gian qua và mục tiêu thời gian tới”, *Tạp chí Kiến thức Quốc phòng hiện đại, số 1/2015*.
6. Hoàng Đình Nhân (2015), “Các cơ chế hợp tác Quốc phòng - An ninh đa phương và sự tham gia của Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, số 1(100)*.
7. Hoàng Đình Nhân (2016), “Hợp tác quốc phòng của Việt Nam với một số nước trên thế giới: thực trạng và triển vọng”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, số 3 (106)*.
8. Hoàng Đình Nhân (2016), “Quan hệ quốc phòng Việt Nam - Liên bang Nga những năm đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 09-2016*.